



# DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG  
ngày tháng 08 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng  
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Quản lý Chất lượng - Thị trường  
*Laboratory:* *Quality Control – Market Department*

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH MTV Cao Su Chư Păh  
*Organization:* *Chu Pah Rubber Company Limited*

Số hiệu/ Code: VILAS 647

Chuẩn mực công nhận  
*Accreditation criteria* ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Hóa, Cơ  
*Field:* *Chemical, Mechanical*

Người quản lý: Nguyễn Thị Kim Hậu  
*Laboratory manager:* *Nguyen Thi Kim Hau*

Hiệu lực công nhận/  
*Period of Validation:* Kể từ ngày /08/2025 đến ngày 17/04/2026

Địa chỉ/ Address: 01 Nguyễn Thị Minh Khai, Xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai  
*No 01 Nguyen Thi Minh Khai street, Chu Pah Commune, Gia Lai Province*

Địa điểm/Location: 01 Nguyễn Thị Minh Khai, Xã Chư Păh, tỉnh Gia Lai  
*No 01 Nguyen Thi Minh Khai street, Chu Pah Commune, Gia Lai Province*

Điện thoại/ Tel: 0269 3845 553

E-mail: cotycaosuchupah@gmail.com

Website: chupaco.com.vn

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**  
**LIST OF ACCREDITED TESTS**  
**VILAS 647**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ**

*Field of testing: Chemical, Mechanical*

| TT | Tên sản phẩm,<br>vật liệu được thử/<br><i>Materials or product<br/>tested</i> | Tên phép thử cụ thể/<br><i>The name of specific tests</i>                                                                                                                                  | Giới hạn định lượng<br>(nếu có)/ Phạm vi đo<br><i>Limit of quantitation<br/>(if any)/range of<br/>measurement</i> | Phương pháp thử/<br><i>Test method</i> |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1. | <b>Cao su<br/>thiên nhiên</b><br><i>Raw natural<br/>Rubber</i>                | Xác định hàm lượng tạp chất<br><i>Determination of dirt content</i>                                                                                                                        | (0,009 ~ 0,03)<br>% m/m                                                                                           | TCVN 6089:2016                         |
| 2. |                                                                               | Xác định hàm lượng tro<br>Phương pháp A<br><i>Determination of ash content<br/>Method A</i>                                                                                                | (0,292 ~ 0,556)<br>% m/m                                                                                          | TCVN 6087:2010                         |
| 3. |                                                                               | Xác định hàm lượng nitơ<br>Phương pháp bán vi lượng<br><i>Determination of nitrogen content<br/>Semi micro Kjeldahl method</i>                                                             | (0,29 ~ 0,41)<br>% m/m                                                                                            | TCVN 6091:2016                         |
| 4. |                                                                               | Xác định hàm lượng chất bay hơi<br>Phương pháp cân nóng và sấy -<br>Quy trình A<br><i>Determination of volatile - matter<br/>content<br/>Hot-mill and oven drying method<br/>Process A</i> | (0,20 ~ 0,33)<br>% m/m                                                                                            | TCVN 6088-1:2014                       |
| 5. |                                                                               | Xác định chỉ số màu<br><i>Determination of colour index</i>                                                                                                                                | (3.0 ~ 6.0)<br>Đơn vị/unit                                                                                        | TCVN 6093:2013                         |
| 6. |                                                                               | Xác định độ dẻo (P <sub>0</sub> )<br>Phương pháp máy đo độ dẻo<br>nhanh<br><i>Determination of Plasticity (P<sub>0</sub>)<br/>Rapid Plastimeter method</i>                                 | (31,5 ~ 41,3)<br>Đơn vị/unit                                                                                      | TCVN 8493:2010                         |
| 7. |                                                                               | Xác định chỉ số duy trì độ dẻo<br>(PRI).<br><i>Determination of plasticity<br/>retention index (PRI)</i>                                                                                   | (70,9 ~ 94,4) %                                                                                                   | TCVN 8494:2020                         |
| 8. |                                                                               | Xác định độ nhớt Mooney<br>Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa<br>trượt<br><i>Determination of Mooney<br/>viscosity<br/>Method using a shearing-<br/>disc viscometer</i>                       | (51,7 ~ 80,4)<br>Đơn vị/unit                                                                                      | TCVN 6090-1:2015<br>(ISO 289-1:2015)   |

# DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

## LIST OF ACCREDITED TESTS

### VILAS 647

---

#### Chú thích/ Note:

- ISO: *International Organization for Standardization*
- TCVN: *Tiêu chuẩn Quốc gia/Vietnamese Standard*

Trường hợp Công ty TNHH MTV Cao Su Chư Păh cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV Cao Su Chư Păh phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Chu Pah Rubber Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

